

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý nhà nước về khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 142/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý nhà nước về khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 50/2012/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận.

2. Đối với trường hợp xin tận dụng khoáng sản tiếp tục giải quyết theo

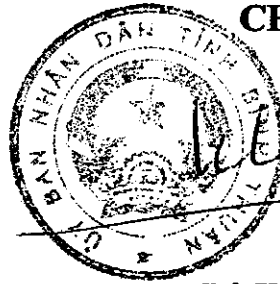
quy định tại Điều 33 Quyết định số 50/2012/QĐ-UBND cho đến khi Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản mới quy định cụ thể.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Công an tỉnh, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
- Cục Kiểm soát HĐKS Miền Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- Thường trực tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Như Điều 3;
- Báo Bình Thuận;
- Đài PTTH Bình Thuận;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, NCPC, KTN (Vu 50b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Tiến Phương

QUY ĐỊNH

Quản lý nhà nước về khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Thuận

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 41 /2015/QĐ-UBND
ngày 08 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về công tác phối hợp quản lý các giấy phép thăm dò, giấy phép khai thác khoáng sản do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp; cấp giấy phép thăm dò, giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận và quản lý các hoạt động chế biến, tàng trữ, vận chuyển, tiêu thụ, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Thuận (sau đây gọi chung là *hoạt động khoáng sản*).

Quy định về quản lý đối với các trường hợp xin đào ao, đào hồ, nạo vét cải tạo ao, hồ, bàu, kênh, mương, suối để chứa nước, nuôi trồng thủy sản, khơi thông dòng chảy, cải tạo đất, hạ thấp mặt bằng đất để canh tác, sản xuất, xây dựng... có đưa khoáng sản ra ngoài phạm vi thực hiện để sử dụng, mua, bán, tặng, cho (sau đây gọi chung là *tận dụng khoáng sản*).

Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của các cấp, ngành trong công tác quản lý hoạt động khoáng sản, tận dụng khoáng sản; trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khoáng sản, tận dụng khoáng sản theo quy định của pháp luật về Khoáng sản và pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện); Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã).

2. Tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản, tận dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản; quản lý hoạt động khoáng sản, tận dụng khoáng sản.

Điều 3. Một số nguyên tắc chung

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản, quản lý hoạt động khoáng sản và tận dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Thuận, trong đó có phân công, phân cấp cho các ngành, các cấp theo quy định của pháp luật và theo Quy định này.

2. Các tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản và tận dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Thuận ngoài việc chấp hành pháp luật về Khoáng sản, pháp luật khác có liên quan, các văn bản quy định của Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ, ngành Trung ương liên quan còn phải chấp hành Quy định này.

3. Mọi hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh đều phải có giấy phép do cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 82 Luật Khoáng sản cấp giấy phép (trừ trường hợp khai thác khoáng sản trong khu vực dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Điều 64, Điều 65 của Luật Khoáng sản năm 2010). Trường hợp giấy phép do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp thì Sở Tài nguyên và Môi trường phải có văn bản thông báo kèm theo bản sao giấy phép và bản đồ vị trí cấp phép gửi đến các Sở, ngành, địa phương liên quan để biết, phối hợp quản lý.

4. Các trường hợp tận dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Thuận đều phải được Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện thống nhất và được Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết. Khu vực xin tận dụng khoáng sản phải nằm ngoài quy hoạch khoáng sản đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

5. Khi phát hiện có tổ chức, cá nhân đang hoạt động khoáng sản, tận dụng khoáng sản trên địa bàn mình quản lý thì Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền yêu cầu xuất trình giấy phép hoạt động khoáng sản, văn bản cho phép tận dụng khoáng sản của cấp thẩm quyền để kiểm tra. Trường hợp phát hiện không có giấy phép hoạt động khoáng sản hoặc văn bản cho phép tận dụng khoáng sản của cấp thẩm quyền thì xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật và báo cho Sở Tài nguyên và Môi trường để biết.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KHOÁNG SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH THUẬN

Điều 4. Nhiệm vụ và quyền hạn quản lý nhà nước về khoáng sản của Sở Tài nguyên và Môi trường

Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân

tính trong thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khoáng sản trong phạm vi toàn tỉnh, chủ trì phối hợp với các Sở, ngành, địa phương liên quan thực hiện các nội dung sau:

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện các quy định của Nhà nước về quản lý, bảo vệ khoáng sản, quản lý hoạt động khoáng sản và tận dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

2. Khoanh định các khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh lấy ý kiến các Bộ, ngành Trung ương trước khi trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh trong đó quy định rõ trách nhiệm người đứng đầu chính quyền các cấp, đặc biệt là cấp xã.

3. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản; kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh và tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản sau khi kế hoạch được phê duyệt. Đồng thời, căn cứ thực tế tại địa phương, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường khoanh định và công bố khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ.

4. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lập quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh theo quy định; thẩm định hồ sơ công nhận chỉ tiêu tính trữ lượng khoáng sản; hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Tổ chức thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết đối với các hồ sơ: cấp, gia hạn, thu hồi, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản; chuyển nhượng quyền thăm dò, quyền khai thác khoáng sản; trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò, khai thác khoáng sản; đề án đóng cửa mỏ; tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh. Đồng thời, tổ chức kiểm tra, thẩm định hồ sơ, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết đối với các trường hợp tận dụng khoáng sản.

6. Tổ chức thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh; khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường khoanh định và công bố.

7. Kiểm tra, giám sát công tác bảo vệ, phục hồi môi trường trong quá

trình khai thác và sau khi kết thúc khai thác khoáng sản, công tác đóng cửa mỏ, hoàn trả mặt bằng sau khai thác của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

8. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết theo thẩm quyền việc cho thuê đất hoạt động khoáng sản, sử dụng hạ tầng kỹ thuật và các vấn đề khác có liên quan cho tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản tại địa phương theo quy định của pháp luật.

9. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật về khoáng sản; thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về khoáng sản theo thẩm quyền.

10. Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan thanh tra, kiểm tra các khu vực đang hoạt động khoáng sản và kiểm tra các khu vực đề nghị cấp phép hoạt động khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường để có ý kiến hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến với Bộ Tài nguyên và Môi trường.

11. Xây dựng giá tính thuế tài nguyên đối với loại khoáng sản chưa có giá tính thuế tài nguyên hoặc phải điều chỉnh giá tính thuế tài nguyên do không còn phù hợp gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định.

12. Quản lý, lưu trữ và cung cấp thông tin, tư liệu về thăm dò khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn trên địa bàn tỉnh; thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản đã được phê duyệt và định kỳ báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

13. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, khoáng sản chưa khai thác, tài nguyên thiên nhiên khác theo quy định của pháp luật; bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội tại khu vực có khoáng sản.

Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn quản lý nhà nước về khoáng sản của Sở Công thương

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong công tác chế biến, lưu thông, xuất khẩu khoáng sản (trừ khoáng sản làm vật liệu xây dựng, xây dựng thông thường và sản xuất xi măng); chỉ đạo Chi cục Quản lý thị trường tăng cường công tác kiểm tra, xử lý kịp thời việc tàng trữ, vận chuyển, mua bán khoáng sản không có nguồn gốc khai thác, chế biến hợp pháp.

2. Bảo vệ tài nguyên khoáng sản trong hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp.

3. Thực hiện công tác thống kê, báo cáo định kỳ về công nghiệp chế biến, xuất khẩu khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

4. Chủ trì, tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở các dự án xây dựng công trình khai thác mỏ và chế biến khoáng sản nhóm B và C không phân biệt nguồn vốn (tổng mức đầu tư từ 1.500 tỷ đồng trở xuống), trừ các dự án do các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước chuyên ngành về khai thác và chế biến khoáng sản đầu tư.

5. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện các quy định an toàn trong khai thác mỏ và chế biến khoáng sản trên địa bàn tỉnh; phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, xử lý việc khai thác khoáng sản không đúng thiết kế mỏ được duyệt.

Điều 6. Nhiệm vụ và quyền hạn quản lý nhà nước về khoáng sản của Sở Xây dựng

1. Tổ chức lập, thẩm định các quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng của tỉnh đảm bảo phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển vật liệu xây dựng quốc gia, quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng vùng, quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng chủ yếu; quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Quản lý và tổ chức thực hiện các quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng, xây dựng thông thường, nguyên liệu sản xuất xi măng đã được phê duyệt trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức thẩm định các dự án đầu tư, khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng, nguyên liệu sản xuất xi măng theo phân cấp của Chính phủ và phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở, ngành, đơn vị liên quan trong quản lý, xác định khối lượng đối với hoạt động thu hồi, vận chuyển khoáng sản từ các dự án xây dựng, dự án chuyên ngành khác. Tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh nhu cầu sử dụng vật liệu xây dựng, vật liệu xây dựng thông thường.

Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn quản lý nhà nước về khoáng sản của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Bảo vệ tài nguyên khoáng sản khu vực hành lang bảo vệ các công trình thủy lợi, rừng đặc dụng, rừng bảo tồn thiên nhiên, đất quy hoạch rừng phòng hộ.

2. Căn cứ văn bản chấp thuận chủ trương nạo vét lòng hồ của Ủy ban nhân dân tỉnh, chủ trì, phối hợp với đơn vị quản lý lòng hồ và các ngành liên quan tổ chức thẩm định, tham mưu phê duyệt phương án nạo vét đảm bảo an toàn lòng hồ và công trình thủy lợi.

3. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong công tác kiểm tra,

thẩm định và yêu cầu thực hiện các quy định của lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn đối với các dự án thăm dò, khai thác khoáng sản, tận dụng khoáng sản có liên quan đến đất lúa, đất rừng sản xuất, đất công trình thủy lợi.

Điều 8. Nhiệm vụ và quyền hạn quản lý nhà nước về khoáng sản của Sở Giao thông vận tải

1. Bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác nằm trong hành lang bảo vệ công trình giao thông; chỉ đạo Thanh tra Giao thông tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các phương tiện vận chuyển trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là các phương tiện vận chuyển khoáng sản vi phạm các quy định về an toàn giao thông, gây ô nhiễm môi trường; xử lý nghiêm các trường hợp quá khổ, quá tải ảnh hưởng công trình giao thông.

2. Yêu cầu các tổ chức, cá nhân ký quỹ cam kết sửa chữa kết cấu hạ tầng giao thông bị hư hỏng do hoạt động vận chuyển khoáng sản gây ra.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh việc nạo vét luồng lạch, thu hồi khoáng sản thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh; kiểm tra, giám sát độ sâu và ranh giới các dự án nạo vét khơi thông luồng lạch, thu hồi khoáng sản theo hồ sơ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, phối hợp với các ngành liên quan kiểm tra, giám sát luồng, khu vực nạo vét được Bộ, ngành Trung ương phê duyệt khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. Phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường xác định khối lượng, quản lý đối với hoạt động thu hồi, vận chuyển khoáng sản từ các dự án giao thông và dự án chuyên ngành khác.

Điều 9. Nhiệm vụ và quyền hạn quản lý nhà nước về khoáng sản của Công an tỉnh

1. Tiến hành các biện pháp nghiệp vụ nhằm phòng ngừa, đấu tranh, kiểm tra, xử lý tội phạm và các hành vi vi phạm về an ninh trật tự, bảo vệ tài nguyên, môi trường, trật tự quản lý kinh tế, phòng cháy chữa cháy trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật.

2. Phối hợp với các sở, ngành có liên quan và chỉ đạo Công an cấp huyện phối hợp với các ban, ngành cùng cấp tiến hành kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm về an ninh trật tự, bảo vệ tài nguyên, môi trường, trật tự quản lý kinh tế, phòng cháy chữa cháy trong hoạt động khoáng sản.

3. Bảo vệ tài nguyên khoáng sản khu vực đất dành riêng cho an ninh.

Điều 10. Nhiệm vụ và quyền hạn quản lý nhà nước về khoáng sản của sở, ngành khác liên quan

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch bảo vệ tài nguyên khoáng sản tại các

di tích lịch sử, các di tích văn hóa, khu vực khảo cổ; khu vực có các tài nguyên du lịch mang tính đặc sắc như: khu vực Đồi cát bay Mũi Né, Đồi cát Trinh Nữ (Bắc Bình), khu vực Hồ Bàu Trắng, Bãi đá bảy màu (Tuy Phong) kể các các khu vực liền kề và cảnh quan xung quanh những tài nguyên du lịch kể trên.

2. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra, xử lý các hành vi vi phạm về công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động trong hoạt động khoáng sản.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định vốn chủ sở hữu của chủ đầu tư dự án theo quy định tại Điểm c, Khoản 2, Điều 53 Luật Khoáng sản.

4. Sở Tài chính thẩm định Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với khoáng sản; phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong công tác thẩm định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

5. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh bảo vệ tài nguyên, khoáng sản tại các khu vực đất quốc phòng được giao, các khu vực quy hoạch tổng thể bố trí quốc phòng kết hợp với phát triển kinh tế xã hội, các khu vực điểm cao, điểm có giá trị về chiến thuật, chiến dịch trong thể trận quân sự khu vực phòng thủ tỉnh. Tham gia thực hiện quản lý nhà nước về khoáng sản, phối hợp xử lý các vấn đề liên quan gây mất ổn định về quốc phòng – an ninh, chính trị xã hội trong khai thác, mua, bán, vận chuyển, tàng trữ, tiêu thụ tài nguyên khoáng sản.

6. Cục Thuế tỉnh: Kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác khoáng sản nộp đầy đủ và kịp thời các khoản nghĩa vụ tài chính vào ngân sách nhà nước như: Thuế tài nguyên, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, tiền thuê đất, thuê mặt nước, phí bảo vệ môi trường khai thác khoáng sản, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, đóng góp tu sửa các công trình kết cấu hạ tầng theo quy định,...; cung cấp cho Sở Tài nguyên và Môi trường thông tin sản lượng khoáng sản kê khai nộp thuế tài nguyên của các doanh nghiệp được cấp phép khai thác khoáng sản hoặc các doanh nghiệp được phép tận dụng khoáng sản chậm nhất là ngày 20 tháng 01 năm sau để theo dõi, quản lý.

7. Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh: Có trách nhiệm tiếp nhận, xác nhận, quản lý sử dụng tiền ký quỹ phục hồi môi trường của các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản theo quy định; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh việc hỗ trợ cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc giải quyết vấn đề môi trường trong khai thác, chế biến khoáng sản.

Điều 11. Nhiệm vụ và quyền hạn quản lý nhà nước về khoáng sản của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Tham gia khảo sát cùng Sở Tài nguyên và Môi trường, có ý kiến

bằng văn bản về khu vực đề nghị cấp phép thăm dò khoáng sản, khu vực xin tận dụng khoáng sản hoặc các khu vực đề nghị hoạt động khoáng sản khác theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Giải quyết theo thẩm quyền cho thuê đất hoạt động khoáng sản đối với cá nhân và các thủ tục liên quan đến việc sử dụng đất, cơ sở hạ tầng và các vấn đề khác có liên quan cho tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản tại địa phương theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện các biện pháp quản lý, kiểm tra, bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa được phép khai thác tại địa phương, định kỳ hàng năm lập nhiệm vụ và dự toán kinh phí bảo vệ khoáng sản chưa khai thác gửi Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các đơn vị liên quan thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, bố trí kinh phí để thực hiện; kiểm tra tình hình hoạt động khoáng sản đối với các khu vực đã được các cấp có thẩm quyền cấp phép, bảo đảm môi trường, an toàn lao động trong hoạt động khoáng sản, bảo đảm an ninh, trật tự xã hội tại khu vực hoạt động khoáng sản kể cả các loại khoáng sản do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép hoạt động.

4. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về việc sử dụng và bảo vệ tài nguyên khoáng sản được phép khai thác tại địa phương.

5. Chỉ đạo các phòng, ban, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra, phát hiện, xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xử lý các hành vi thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản trái phép và đem khoáng sản không có nguồn gốc hợp pháp tặng, cho hoặc bán cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Thẩm định và xác nhận Kế hoạch bảo vệ môi trường của các tổ chức, cá nhân hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản trên địa bàn theo đúng quy định của pháp luật về môi trường.

7. Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) tình hình quản lý nhà nước về khoáng sản và hoạt động khoáng sản trên địa bàn trước ngày 05 tháng 01 hàng năm để Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp.

8. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở, ngành khác trong quản lý hoạt động thu hồi, vận chuyển khoáng sản từ các dự án chuyên ngành.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn quản lý nhà nước về khoáng sản của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Thực hiện các biện pháp quản lý, kiểm tra, bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa được phép khai thác tại địa phương; kiểm tra việc thực hiện các biện pháp bảo đảm môi trường, an toàn lao động trong hoạt động khoáng sản; bảo đảm an ninh, trật tự xã hội tại các khu vực có hoạt động khoáng sản, tận dụng khoáng sản.

2. Tuyên truyền, giáo dục pháp luật về khoáng sản cho nhân dân địa phương; chỉ đạo việc kiểm tra, có biện pháp ngăn chặn kịp thời các hành vi thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản trái phép và đem khoáng sản không có nguồn gốc hợp pháp tặng, cho, bán cho tổ chức, cá nhân khác.

3. Báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện (qua Phòng Tài nguyên và Môi trường) tình hình quản lý nhà nước về khoáng sản, hoạt động khoáng sản, tận dụng khoáng sản trên địa bàn trước ngày 20 của tháng cuối hàng quý để Phòng Tài nguyên và Môi trường tổng hợp hoặc báo cáo đột xuất theo chỉ đạo của cấp trên.

4. Trường hợp để xảy ra tình trạng thăm dò, khai thác, khai thác tận thu khoáng sản, tận dụng khoáng sản không có giấy phép hoặc văn bản cho phép của cấp thẩm quyền, đem khoáng sản không có nguồn gốc hợp pháp tặng, cho hoặc bán cho tổ chức, cá nhân khác mà Ủy ban nhân dân cấp xã không phát hiện, xử lý theo thẩm quyền và báo cáo kịp thời cho Ủy ban nhân dân cấp huyện để đến khi các cơ quan chức năng kiểm tra mới phát hiện thì Ủy ban nhân dân cấp huyện sẽ xem xét, xử lý trách nhiệm Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đó; trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã phát hiện nhưng vượt thẩm quyền xử lý, đã có báo cáo cho Ủy ban nhân dân cấp huyện nhưng Ủy ban nhân dân cấp huyện chậm xử lý thì Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ xem xét, xử lý trách nhiệm đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 13. Quyền lợi và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khoáng sản, tận dụng khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân thăm dò, khai thác khoáng sản, tận dụng khoáng sản có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định tại giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản, văn bản cho phép tận dụng khoáng sản đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp; đồng thời có trách nhiệm bảo vệ khoáng sản theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 17 của Luật Khoáng sản.

2. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản chỉ được khai thác trong ranh giới được cấp phép, khai thác tối đa khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm và bảo vệ tài nguyên khoáng sản; phải thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo phương án được duyệt, bảo đảm an toàn lao động; thực hiện việc khai thác, sử dụng nguồn nước, thu gom, xử lý nước thải trong quá trình khai thác khoáng sản theo đúng quy định; bồi thường các thiệt hại do hoạt động khoáng sản, tận dụng khoáng sản gây ra; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và báo cáo cuối cùng; phục hồi môi trường, đất đai, kết cấu hạ tầng giao thông trong khai thác khoáng sản trong và sau khi khai thác hết toàn bộ hoặc một phần trữ lượng khoáng sản theo giấy phép đã cấp; chấp hành các quy định về quản lý hành chính, xã hội; nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản tại

Sở Tài nguyên và Môi trường; ký quỹ bảo vệ môi trường; nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và các khoản phí và thuế khác theo quy định; chịu sự giám sát, kiểm tra, thanh tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Trong quá trình khai thác khoáng sản, phải áp dụng công nghệ đã được thẩm định, chấp nhận phù hợp với quy mô, đặc điểm từng mỏ, loại khoáng sản; nếu phát hiện khoáng sản mới phải báo cáo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 14. Kinh phí cho công tác quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác

1. Nhà nước bảo đảm kinh phí cho công tác quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác. Kinh phí cho công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm.

2. Căn cứ đặc điểm tính hình khoáng sản chưa khai thác của địa phương, Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan chức năng được giao nhiệm vụ có trách nhiệm lập dự toán kinh phí hàng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ CẤP PHÉP HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN

Điều 15. Thực hiện quy hoạch

1. Khu vực được cấp Giấy phép khai thác phải nằm trong Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản được cấp thẩm quyền phê duyệt.

2. Định kỳ 05 năm một lần, giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện lập Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để thực hiện theo quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 10 của Luật Khoáng sản.

3. Thẩm quyền, trình tự thủ tục lập, trình, phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản được thực hiện theo quy định tại Điều 10, Điều 14, Điều 15 của Luật Khoáng sản và Điều 8, Điều 9 Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khoáng sản.

Điều 16. Khảo sát thực địa, lấy mẫu để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu khảo sát thực địa, lấy mẫu để lập đề án thăm dò khoáng sản phải có văn bản đề nghị kèm theo Kế hoạch khảo sát, lấy mẫu gửi Sở Tài nguyên và Môi trường. Kế hoạch khảo sát, lấy mẫu bao gồm

các nội dung chính như sau: phạm vi; mục đích, đối tượng khoáng sản được khảo sát, lấy mẫu; các công việc thực hiện khảo sát, lấy mẫu; thời gian thực hiện; phương án triển khai.

2. Nếu khu vực khảo sát thực địa, lấy mẫu nằm trong Quy hoạch khoáng sản đã được phê duyệt, trong thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra kế hoạch khảo sát, lấy mẫu và đề xuất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh; trong thời gian không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản thông báo việc chấp thuận hoặc không chấp thuận. Trường hợp không chấp thuận có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

Nếu khu vực khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất không nằm trong Quy hoạch khoáng sản đã được phê duyệt, Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xin chủ trương trước khi tiến hành kiểm tra, đề xuất.

Điều 17. Thăm dò khoáng sản

1. Điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ, quyền, nghĩa vụ, thu hồi, chấm dứt hiệu lực trong thăm dò khoáng sản quy định từ Điều 34 đến Điều 50 của Luật Khoáng sản và từ Điều 13 đến Điều 19, Điều 35 Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ.

2. Các sở, ngành, địa phương có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản theo quy định tại Khoản 4, Điều 35 Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ và Thông tư số 53/2013/TT-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định tổ chức và hoạt động của Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản.

3. Các tổ chức hành nghề thăm dò khoáng sản; các tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản khi thực hiện hoạt động thăm dò khoáng sản phải tuân thủ các quy định tại Thông tư số 17/2012/TT-BTNMT ngày 29 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về điều kiện của tổ chức hành nghề thăm dò khoáng sản.

4. Đối với các trường hợp có tính chất đặc thù, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phù hợp với tình hình thực tế.

Điều 18. Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản

1. Căn cứ vào Quyết định phê duyệt các khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận, tổ chức, cá nhân có nhu cầu thăm dò, khai thác khoáng sản hoàn tất hồ

sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản theo đúng quy định; đối với hộ kinh doanh quy định tại Khoản 2 Điều 34 Luật Khoáng sản chỉ được lập hồ sơ thăm dò với diện tích không quá 01 ha; nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận, đồng thời niêm yết công khai tên tổ chức, cá nhân đó, tên loại khoáng sản và vị trí khu vực đề nghị thăm dò khoáng sản tại trụ sở cơ quan và trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Sau thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản của tổ chức, cá nhân đầu tiên, mà có từ hai tổ chức, cá nhân trở lên đủ điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 34 và Điểm b, Điểm c Khoản 2 Điều 40 Luật Khoáng sản nộp hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản thì Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành lựa chọn tổ chức, cá nhân để cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 15/2012/NĐ-CP.

Nếu các tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản đều đáp ứng các điều kiện thì ưu tiên đối với tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trước tính theo thời điểm ghi trong phiếu tiếp nhận hồ sơ. Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả đánh giá việc lựa chọn tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản trình Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản chấp thuận.

Trường hợp hết thời gian thông báo nêu trên mà chỉ có một tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản thì tổ chức, cá nhân đó được lựa chọn để cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản khi có đủ điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 34 và Điểm b, Điểm c Khoản 2 Điều 40 Luật Khoáng sản.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường công khai hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản của tổ chức, cá nhân được lựa chọn và thẩm định cấp Giấy phép, đồng thời thông báo cho tổ chức, cá nhân lý do không được lựa chọn cấp Giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản biết (nếu có).

5. Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định Đề án thăm dò, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 15/2012/NĐ-CP.

Điều 19. Lập kế hoạch, thông báo khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản; xét chọn tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản để cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc cấp Giấy phép khai thác khoáng sản

1. Lập kế hoạch, thông báo khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản

Căn cứ Điều 14 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản, hàng năm Sở Tài nguyên và Môi trường lập, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với các loại khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh và thông báo, đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Các nội dung về thông báo, đăng tải thông tin về phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản; tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản; xét chọn hồ sơ đề nghị tham gia phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản; thông báo công khai danh sách tổ chức, cá nhân được tham gia phiên đấu giá được thực hiện theo quy định tại Điều 18 và Điều 19 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP.

3. Tiến hành phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản và phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Trình tự và nguyên tắc tiến hành phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản thực hiện theo quy định tại Điều 21 và Điều 22 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP; việc phê duyệt và thông báo kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP.

4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế đấu giá quyền khai thác khoáng sản để thực hiện thống nhất trên địa bàn tỉnh.

Điều 20. Khai thác khoáng sản

1. Các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Thuận phải có Giấy phép khai thác khoáng sản do Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh cấp.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã kiểm tra hiện trạng khu vực đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản. Trường hợp, trong quá trình thẩm định hồ sơ mà có phát sinh vướng mắc đối với lĩnh vực nào thì Sở Tài nguyên và Môi trường lấy ý kiến lại của ngành đó.

Điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ, quyền, nghĩa vụ và các quy định khác liên quan đến việc khai thác khoáng sản và khai thác tận thu khoáng sản được quy định từ Điều 51 đến Điều 72 của Luật Khoáng sản; Điều 23, Điều 24, Điều 25, Điều 37, Điều 38, Điều 39 Nghị định số 15/2012/NĐ-CP và thủ tục hành chính lĩnh vực khoáng sản được Ủy ban nhân dân tỉnh công bố theo

quy định.

Công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động khoáng sản thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Khoáng sản; Việc sử dụng đất, hạ tầng kỹ thuật trong hoạt động khoáng sản thực hiện theo quy định tại Điều 31 Luật Khoáng sản; Các vấn đề liên quan đến sử dụng nước, xả thải vào nguồn nước trong hoạt động khoáng sản thực hiện theo quy định tại Điều 32 Luật Khoáng sản, Điều 37, Điều 44, Điều 49 Luật Tài nguyên nước.

Điều 21. Tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, thẩm định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:

a) Đối với Giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp trước ngày Nghị định số 203/2013/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (20 tháng 01 năm 2014), trong thời gian 15 ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận và tổ chức thẩm định hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của các tổ chức, cá nhân trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 203/2013/NĐ-CP.

b) Đối với các hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản không thông qua đấu giá quyền khai thác khoáng sản và sau ngày Nghị định số 203/2013/NĐ-CP có hiệu lực thi hành và các trường hợp xin tận dụng khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của các tổ chức, cá nhân trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định trước khi cấp phép, cho phép.

2. Cục Thuế tỉnh căn cứ Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của Ủy ban nhân dân tỉnh có thông báo gửi tổ chức, cá nhân để nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; cung cấp thông tin liên quan đến nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho Sở Tài nguyên và Môi trường để biết, theo dõi; tổng hợp, hạch toán, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh số thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo chế độ hiện hành.

Điều 22. Điều kiện pháp lý triển khai khai thác khoáng sản

Tổ chức, cá nhân trước khi tiến hành khai thác khoáng sản phải có đầy đủ các hồ sơ pháp lý theo quy định của pháp luật và của Ủy ban nhân dân tỉnh, cụ thể như sau:

1. Giấy phép khai thác của cấp thẩm quyền (kèm theo bản đồ vị trí cấp Giấy phép theo quy định).

2. Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản của Hội đồng đánh giá trữ

lượng khoáng sản hoặc của Ủy ban nhân dân tỉnh kèm theo hồ sơ báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản (đối với các mỏ khoáng sản được cấp phép thăm dò).

3. Dự án đầu tư khai thác khoáng sản, trong đó phần thiết kế cơ sở đã được Sở Công thương hoặc Sở Xây dựng có ý kiến bằng văn bản. Thiết kế khai thác mỏ (thiết kế kỹ thuật) được thẩm định phê duyệt theo quy định.

4. Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định và Phương án cải tạo, phục hồi môi trường của dự án đầu tư khai thác đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường.

5. Hợp đồng thuê đất theo quy định của Luật Đất đai kèm theo biên bản cắm mốc, giao đất của cấp thẩm quyền trong diện tích cho thuê và giấy tờ chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ tài chính.

6. Biên lai nộp tiền ký quỹ phục hồi môi trường, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

7. Văn bản thông báo về trình độ chuyên môn, năng lực của Giám đốc điều hành mỏ cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản gửi kèm hồ sơ bổ nhiệm Giám đốc điều hành mỏ có tiêu chuẩn phù hợp với quy định tại Điều 62 Luật Khoáng sản năm 2010 (trừ trường hợp khai thác nước khoáng, nước nóng thiên nhiên, khai thác tận thu khoáng sản, khai thác cát sỏi ven sông, sét bùn, đất san lấp).

8. Văn bản thông báo ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác:

Trước khi bắt đầu tiến hành khai thác 05 ngày, ngoài việc phải có đầy đủ các hồ sơ quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều này, tổ chức, cá nhân thông báo bằng văn bản về Sở Tài nguyên và Môi trường (đối với giấy phép khai thác do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp còn phải thông báo cho Bộ Tài nguyên và Môi trường), Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã nơi có khoáng sản ngày bắt đầu xây dựng mỏ và khai thác; kế hoạch khai thác để các cơ quan này phối hợp kiểm tra, giám sát quản lý hoạt động khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Thiết kế mỏ

Tổ chức, cá nhân có hoạt động khai thác khoáng sản rắn và các tổ chức, cá nhân tư vấn thiết kế mỏ phải tuân thủ các quy định về lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế mỏ theo Thông tư số 33/2012/TT-BCT ngày 14 tháng 11 năm 2012 của Bộ Công thương.

Điều 24. Đóng cửa mỏ khoáng sản

Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải lập đề án đóng cửa mỏ đối với toàn bộ hoặc một phần diện tích khai thác khoáng sản nộp về Sở Tài nguyên và Môi trường trong các trường hợp sau đây:

1. Đã khai thác hết toàn bộ hoặc một phần trữ lượng.
2. Giấy phép khai thác khoáng sản hết hiệu lực nhưng chưa khai thác hết trữ lượng khoáng sản trong khu vực đã được cấp phép.

Nội dung, hồ sơ, thủ tục phê duyệt, nghiệm thu kết quả thực hiện; thẩm quyền lập; tổ chức thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản được quy định tại Mục 3 Chương VIII, từ Điều 73 đến Điều 75 của Luật Khoáng sản; Điều 33 Nghị định số 15/2012/NĐ-CP của Chính phủ; Điều 5, Điều 6, Điều 7 Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Điều 9 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Điều 20 Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản.

Điều 25. Phục hồi môi trường và kết cấu hạ tầng giao thông trong khai thác khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản phải cải tạo, phục hồi môi trường theo nội dung của Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Kế hoạch bảo vệ môi trường, Dự án/Đề án/Phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt theo quy định. Việc lập Phương án cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường thực hiện theo Nghị định số 19/2015/NĐ-CP và Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT.

2. Khi chấm dứt hoạt động khoáng sản, chủ giấy phép phải hoàn phục môi trường và kết cấu hạ tầng giao thông theo quy định, hoàn trả lại mặt bằng, cảnh quan theo Dự án/Đề án/Phương án cải tạo phục hồi môi trường được phê duyệt.

3. Chủ giấy phép sau khi đã hoàn thành từng phần hoặc toàn bộ nội dung cải tạo, phục hồi môi trường thì lập hồ sơ hoàn thành Phương án hoặc Phương án bổ sung và đề nghị cơ quan có thẩm quyền để được kiểm tra, xác nhận theo quy định làm cơ sở để Quỹ Bảo vệ môi trường hoàn trả tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường, Sở Giao thông - Vận tải để hoàn trả tiền ký quỹ sửa chữa kết cấu hạ tầng giao thông bị hư hỏng do hoạt động vận chuyển khoáng sản gây ra. Việc xác nhận hoàn thành Phương án và Phương án bổ sung quy định tại Nghị định số 19/2015/NĐ-CP và Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT.

Điều 26. Bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác khoáng sản; thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản

1. Người đại diện trước pháp luật của tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản có trách nhiệm thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về sự đúng đắn của các thông tin, tài liệu đã thu thập, lưu trữ, nội dung bản đồ hiện trạng và bản vẽ mặt cắt hiện trạng, báo cáo thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác.

2. Giám đốc điều hành mỏ có trách nhiệm báo cáo, giải trình các vấn đề về bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng; thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản; sản lượng khoáng sản đã khai thác với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

3. Chi tiết việc lập bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác; thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-BTNMT ngày 01 tháng 3 năm 2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc lập bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác khoáng sản; thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản.

Điều 27. Báo cáo định kỳ trong khai thác khoáng sản

1. Chế độ báo cáo định kỳ được thực hiện 01 năm một lần. Kỳ báo cáo được tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 của năm báo cáo. Ngoài chế độ báo cáo định kỳ theo quy định, khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản, tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản phải báo cáo đột xuất về tình hình hoạt động khoáng sản.

2. Các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định trên gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 05 tháng 01 hàng năm (Mẫu số 28 về báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản của Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

Điều 28. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về khoáng sản

1. Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện kiểm tra, thanh tra chuyên ngành về khoáng sản theo quy định tại Nghị định số 142/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản, nội dung thanh tra:

a) Việc chấp hành pháp luật khoáng sản và bảo vệ môi trường trong hoạt động khoáng sản ở các địa phương, đơn vị.

b) Công tác bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác.

c) Việc thực hiện nghĩa vụ và quyền lợi của các tổ chức, cá nhân được cấp phép hoạt động khoáng sản.

d) Việc thực hiện các nội dung của Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản trong các khu vực hoạt động khoáng sản.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện phối hợp các phòng, ban liên quan trực thuộc thực hiện kiểm tra trong các khu vực khoáng sản chưa khai thác và cấm, tạm thời cấm khai thác theo Khoản 2, Điều 3 Quy định này; kiểm tra tình hình hoạt động khoáng sản đối với các khu vực đã được các cấp có thẩm quyền cấp phép thuộc phạm vi địa phương quản lý, khi có đề nghị thì cử cán bộ tham gia Đoàn thanh tra do Sở Tài nguyên và Môi trường đề xuất.

3. Các Sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý các khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, ngoài việc kiểm tra bảo vệ đối tượng được quản lý còn phải kết hợp ngăn chặn, xử lý hoạt động xâm phạm do khai thác, mua, bán, vận chuyển, tiêu thụ, tàng trữ khoáng sản trái phép.

4. Các Sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã theo chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm kiểm tra xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản; thẩm quyền, trình tự, thủ tục xử lý vi phạm hành chính trong quản lý nhà nước về khoáng sản được thực hiện theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 142/2013/NĐ-CP.

Chương IV **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 29. Tổ chức thực hiện

1. Các Sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Trong đó:

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức hội nghị phổ biến quy định này đến Ủy ban nhân dân cấp xã, các phòng, ban chuyên môn thuộc địa phương mình trước ngày 30 tháng 10 năm 2015.

b) Giám đốc các Sở, ban, ngành phổ biến Quy định này đến các phòng, đơn vị trực thuộc trước ngày 30 tháng 10 năm 2015.

c) Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm đôn đốc thực hiện Quy định này.

2. Những nội dung không nêu trong Quy định này được thực hiện theo Luật Khoáng sản và các quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương. Trường hợp các Luật, Nghị định, Thông tư được trích dẫn trong Quy định này được thay thế bởi các văn bản khác thì áp dụng theo văn bản mới. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc hoặc có quy định mới trái với Quy định này, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối với các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan tổng hợp, kịp thời đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung, thay thế./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Tiên Phương

www.LuatVietnam.vn